TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Trần Thị Tuyết.

2. Ông Lâm Văn Vô.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Văn Dần – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét sử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2019/HNST ngày 22 tháng 04 năm 2019, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNST ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã B, huyện Th, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc C (viết tắt là ông C) tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2017 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2017). Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do ông C cất giữ.

- Về con chung: Bà và ông C không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông C không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

Sau khi kết hôn, bà và ông C chung sống cùng nhau tại địa chỉ đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2018, bà và ông C phát sinh mâu thuẫn do đôi bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, ông C không tin tưởng bà nên hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng vì thế hay cãi vã với nhau. Mặc dù bà và ông C đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn mâu thuẫn, người thân trong gia đình hai bên đứng ra hòa giải nhưng đều không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, bà và ông C đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống.

Tại phiên toà hôm nay, bà T xác nhận đời sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà và ông C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Quốc C đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Quốc C; bà T tự khai không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Bà T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quốc C. Ông Nguyễn Quốc C hiện đang cư trú tại đường L, Phường M, Quận N, Thành phố

Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Nguyễn Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt của ông C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2017 cấp ngày 31 tháng 5 năm 2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quốc C là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa bà T và ông C phát sinh mâu thuẫn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bà T trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2018 do khác biệt quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân; mặc dù đã tự hòa giải nhưng đều không có kết quả nên đến tháng 07 năm 2018 thì sống ly thân cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng ông C đều vắng mặt, không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt, như vậy chứng tỏ ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà T tự khai là quá trình chung sống giữa bà và ông C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T tự khai là quá trình chung sống giữa bà và ông C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà T tự khai là quá trình chung sống giữa bà và ông C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Thanh T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0035076 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Quốc C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND Phường M, Quận 5 (Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2017 do UBND Phường M, Quận N cấp ngày 31/5/2017);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Hà Như Oanh